

Tổng hợp kiến thức về mạo từ A/AN trong Tiếng Anh Lớp 6

Chào các em học sinh, hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về một phần ngữ pháp rất cơ bản nhưng vô cùng quan trọng trong tiếng Anh, đó là cách sử dụng mạo từ không xác định "a" và "an". Nắm vững kiến thức này sẽ giúp các em sử dụng tiếng Anh một cách tự nhiên và chính xác hơn.

1. Mạo từ không xác định "A/AN" là gì?

"A" và "An" là các mạo từ không xác định (Indefinite Articles). Chúng được dùng trước một danh từ số ít, đếm được khi người nói muốn đề cập đến một đối tượng chung chung, không cụ thể hoặc được nhắc đến lần đầu tiên.

Về nghĩa, "a" và "an" đều có nghĩa là "một".

- **Ví dụ 1:** I need **a** pen. (Tôi cần một cái bút.) -> Người nói không chỉ định cần cái bút cụ thể nào, chỉ là một cái bút bất kỳ.
- **Ví dụ 2:** She wants to eat **an** apple. (Cô ấy muốn ăn một quả táo.) -> Bất kỳ quả táo nào, không phải một quả táo cụ thể đã được xác định trước.

2. Quy tắc sử dụng "A"

Chúng ta sử dụng mạo từ "a" trước một danh từ bắt đầu bằng một **âm phụ âm**. Phụ âm là tất cả các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Anh trừ 5 nguyên âm (u, e, o, a, i).

Công thức: a + danh từ bắt đầu bằng một phụ âm (về mặt phát âm)

Lưu ý quan trọng: Quy tắc này dựa trên **cách phát âm** của từ theo sau, chứ không phải chữ cái viết.

- **Ví dụ 1:** **a**book (một quyển sách) -> "book" bắt đầu bằng âm /b/ là một phụ âm.
- **Ví dụ 2:** **a**cat (một con mèo) -> "cat" bắt đầu bằng âm /k/ là một phụ âm.
- **Ví dụ 3:** **a**dog (một con chó) -> "dog" bắt đầu bằng âm /d/ là một phụ âm.

3. Quy tắc sử dụng "AN"

Chúng ta sử dụng mạo từ "an" trước một danh từ bắt đầu bằng một **âm nguyên âm**. Các nguyên âm trong tiếng Anh là U, E, O, A, I (thường được nhớ bằng câu "uể oải").

Công thức: an + danh từ bắt đầu bằng một nguyên âm (về mặt phát âm)

Tương tự như "a", quy tắc này cũng dựa trên cách phát âm của từ.

- **Ví dụ 1:** **a**napple (một quả táo) -> "apple" bắt đầu bằng âm /æ/ là một nguyên âm.
- **Ví dụ 2:** **a**nelephant (một con voi) -> "elephant" bắt đầu bằng âm /e/ là một nguyên âm.
- **Ví dụ 3:** **a**nink pot (một lọ mực) -> "ink" bắt đầu bằng âm /ɪ/ là một nguyên âm.

4. Các trường hợp đặc biệt cần lưu ý

Đây là phần dễ gây nhầm lẫn nhất, các em hãy đọc kỹ nhé!

a. Từ bắt đầu bằng "u" và "eu"

Chữ "u" có thể được phát âm là /ju:/ (giống "you") hoặc /ʌ/ (giống "umbrella").

- Khi "u" được phát âm là /ju:/ (một phụ âm), ta dùng **"a"**.
- Khi "u" được phát âm là /ʌ/ (một nguyên âm), ta dùng **"an"**.

Ví dụ dùng "a":

- **au**niversity (một trường đại học) - phát âm là /ju:nɪ'vɜ:səti/
- **au**niform (một bộ đồng phục) - phát âm là /ju:nɪfɔ:m/
- **aE**uropean country (một quốc gia châu Âu) - "European" phát âm là /jʊərə'pi:ən/

Ví dụ dùng "an":

- **an**umbrella (một cái ô) - phát âm là /ʌm'brelə/
- **an**uncle (một người chú/bác) - phát âm là /'ʌŋkl/

b. Từ bắt đầu bằng "h"

Chữ "h" có thể là âm câm (không được phát âm) hoặc được phát âm.

- Khi "h" là âm câm, từ sẽ bắt đầu bằng một nguyên âm. Ta dùng **"an"**.
- Khi "h" được phát âm, từ sẽ bắt đầu bằng một phụ âm. Ta dùng **"a"**.

Ví dụ dùng "an" (với 'h' câm):

- **an**hour (một giờ đồng hồ) - phát âm là /'aʊər/
- **an**honor (một niềm vinh dự) - phát âm là /'ɒnər/
- **an**heir (một người thừa kế) - phát âm là /eər/

Ví dụ dùng "a" (với 'h' được phát âm):

- **a**house (một ngôi nhà) - phát âm là /haʊs/
- **a**horse (một con ngựa) - phát âm là /hɔ:s/
- **a**hospital (một bệnh viện) - phát âm là /'hɒspɪtl/

c. Từ viết tắt

Đối với các từ viết tắt, ta cũng dựa vào cách phát âm của chữ cái đầu tiên.

- **Ví dụ 1:** My father has **a**nMBA degree. (Bố tôi có bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.) -> "MBA" được đọc là /em-bi-eɪ/, bắt đầu bằng nguyên âm /e/.
- **Ví dụ 2:** I saw **a**UFO last night. (Tôi đã thấy một vật thể bay không xác định tối qua.) -> "UFO" được đọc là /ju-ef-əʊ/, bắt đầu bằng phụ âm /j/.

5. Vị trí và cách dùng chung của "A/AN"

a. Đứng trước danh từ đếm được, số ít

Đây là cách dùng cơ bản và phổ biến nhất. "A/An" không bao giờ đi với danh từ không đếm được (water, milk, information) hoặc danh từ số nhiều (books, apples).

- Đúng: **a** student, **a**n orange
- Sai: ~~a~~-students, ~~a~~n water

b. Dùng để giới thiệu một đối tượng lần đầu tiên

Khi bạn nhắc đến một cái gì đó lần đầu trong cuộc hội thoại, bạn dùng "a/an".

Từ lần thứ hai trở đi, khi đối tượng đã được xác định, bạn sẽ dùng mạo từ "the".

- **Ví dụ:** I have **a** dog and **a** cat. **The** dog is friendly, but **the** cat is shy. (Tôi có một con chó và một con mèo. Con chó thì thân thiện, nhưng con mèo thì nhút nhát.)

c. Dùng trước tên nghề nghiệp

Khi nói về nghề nghiệp của ai đó, chúng ta dùng "a/an".

Công thức: S + to be + a/an + (tính từ) + danh từ chỉ nghề nghiệp

- **Ví dụ 1:** My mother is **a** teacher. (Mẹ tôi là một giáo viên.)
- **Ví dụ 2:** He wants to be **an** engineer. (Anh ấy muốn trở thành một kỹ sư.)

d. Dùng trong câu cảm thán với "What"

Chúng ta dùng "a/an" trong các câu cảm thán để nhấn mạnh.

Cấu trúc: What + a/an + (tính từ) + danh từ (số ít, đếm được)!

- **Ví dụ 1:** What **a** beautiful day! (Thật là một ngày đẹp trời!)
- **Ví dụ 2:** What **an** interesting movie! (Thật là một bộ phim thú vị!)

e. Dùng trong các cụm từ chỉ số lượng, giá cả, tốc độ

- **Số lượng:** **a** lot of (nhiều), **a** couple of (một cặp), **a** dozen (một tá)
- **Giá cả:** five dollars **a** kilo (5 đô la một ký)
- **Tốc độ:** 80 kilometers **an** hour (80 cây số một giờ)

6. Bảng tổng hợp và so sánh nhanh

Mạo từ	Quy tắc sử dụng	Ví dụ
A	Đứng trước một danh từ bắt đầu bằng âm phụ âm .	a book, a teacher, a university, a house
AN	Đứng trước một danh từ bắt đầu bằng âm nguyên âm .	an apple, an engineer, an umbrella, an hour

7. Bài tập vận dụng

Hãy điền "a" hoặc "an" vào chỗ trống thích hợp nhé!

- 1. My brother is _____ doctor.
- 2. I need to buy _____ new umbrella.
- 3. It takes me _____ hour to get to school.
- 4. She is wearing _____ beautiful dress.
- 5. Is there _____ university in this city?
- 6. He gave me _____ orange from his garden.
- 7. What _____ amazing view!
- 8. My dad is _____ honest man.

Đáp án:

- 1. a

2. a

3. an

4. a

5. a

6. an

7. an

8. an

Hy vọng qua bài tổng hợp này, các em đã hiểu rõ hơn về cách dùng mạo từ "a" và "an". Hãy luyện tập thường xuyên để sử dụng thành thạo nhé!